

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HSST  
Ngày: 30/11/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Văn Phước – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình.

2. Ông Nguyễn Hiếu Nhân – Phó trưởng Phòng giáo dục và đào tạo huyện Tam Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông **Phạm Trung Hảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại **Trụ sở** Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2017 đối với:

\* **Bị cáo:** **Nguyễn Nhựt M (K)**, sinh năm 1990 tại xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ĐKKHKT: Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Thu H; Chị em ruột có 02 người (lớn sinh năm 1988, nhỏ là bị cáo).

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam An Phước (Bộ Công an) thuộc xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương trong vụ án khác và có mặt tại phiên tòa.

\* **Người bị hại:** Anh **Lê Trung L**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phan Thị C, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Trần Thị Kim S, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

*Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Vào khoảng 15 giờ ngày 15/01/2012, Nguyễn Nhựt M gặp Lê Trung L đang điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nouvo-5P11, biển số 64E1 - 016.49 (xe do bà Phan Thị C là mẹ ruột của L đứng tên đăng ký) nên nảy sinh ý định lấy xe của L mang đi cầm lấy tiền tiêu xài. M rủ L vào quán nước tại ấp P, xã L, huyện T để uống nước. Trong lúc ngồi uống nước, M tự bịa đặt ra chuyện cần xe mô tô đi đến đầu lộ N, thuộc ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để rước bạn và lấy tiền của mẹ M ở thành phố Hồ Chí Minh gửi về, mục đích là tạo lòng tin đối với L để mượn xe mang đi cầm. Được L đồng ý cho mượn xe, M điều khiển xe mô tô biển số 64E1 - 016.49 đi đến đầu lộ N rồi điện thoại nhờ NLC1 ngụ ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long tìm chỗ đi cầm xe. M cùng NLC1 chạy xe mô tô biển số 64E1 - 016.49 đi đến thành phố C cầm được số tiền 10.000.000 đồng. M đưa cho NLC1 mượn 700.000 đồng để chuộc xe của NLC1. M đi đến nhà của chị Trần Thị Kim S chơi và tiêu xài hết số tiền còn lại. Đến ngày 25/01/2012, chị S bỏ ra số tiền 10.000.000 đồng cùng M đến thành phố C chuộc và mang xe mô tô biển số 64E1 - 016.49 bán cho người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ tại tỉnh An Giang, với số tiền 23.000.000 đồng, chị S giữ số tiền 15.000.000 đồng, chia cho M 8.000.000 đồng. Sau đó, xe mô tô biển số 64E1 - 016.49 được NLC2 ngụ ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp mua lại. Sau khi làm thủ tục rút hồ sơ và chuyển tên chủ sở hữu xong, NLC2 tiếp tục bán xe mô tô biển số 64E1 - 016.49 cho một người khác không rõ họ tên, địa chỉ nên tài sản không thu hồi được.

Tại kết luận số: 135/KL.HĐĐGTS, ngày 25/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tam Bình kết luận: Xe mô tô biển số 64E1 - 016.49, nhãn hiệu Yamaha, loại Nouvo-5P11 có giá trị còn lại là: 25.333.000 đồng (Hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Lê Trung L yêu cầu bị cáo Nguyễn Nhựt M bồi thường giá trị xe mô tô biển số 64E1 - 016.49 bằng số tiền là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Đối với NLC1, Trần Thị Kim S và NLC2 do không biết xe mô tô biển số 64E1 - 016.49 là tài sản do Nguyễn Nhựt M phạm tội mà có nên NLC1, S đã giúp M tìm chỗ cầm và bán xe, NLC2 đã mua xe. Hiện nay, NLC1 đã nộp lại đủ số tiền 700.000 đồng đã mượn của M. Đối với Trần Thị Kim S, qua việc cùng với bị cáo cầm cố và bán xe mô tô biển số 64E1 - 016.49 đã hưởng lợi số tiền 5.000.000 đồng nhưng hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ địa chỉ nên chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý theo quy định. Hành vi của NLC1 và NLC2 chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không đặt ra xử lý.

Bản cáo trạng số: 31/QĐ-KSĐT ngày 25/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Nguyễn Nhựt M về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tính đến ngày 15/01/2012 bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự hoặc phạm tội gì khác nên lần phạm tội này bị cáo được xem xét phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo. Ngoài ra, tại Bản án số: 171/2016/2017/HSST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt M 01 (một) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tính đến ngày 12/12/2017 thì bị cáo sẽ chấp hành xong hình phạt tù. Để đảm bảo quyền kháng cáo và áp dụng pháp luật theo hướng có lợi cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt thời gian chấp hành án còn lại tại Bản án số: 171/2016/HSST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự: tuyên bố bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị xử phạt bị cáo M mức án tù 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; tiếp tục bắt, tạm giam bị cáo từ khi chấp hành hình phạt tù xong ngày 12/12/2017 để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 604, 605, 608 của Bộ luật dân sự 2005: Người bị hại Lê Trung L yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá chiếc xe là 25.333.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại 25.333.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 700.000 đồng do bị cáo M bán xe cho NLC1 mượn, đây là tiền thu nhập bất chính.

Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo M nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.266.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo M phải nộp 1.466.650 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết sai xin Tòa giảm nhẹ cho bị cáo sớm về với gia đình, làm công dân tốt.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa:*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, Biên bản hỏi cung bị can và Biên bản sự việc cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 15/01/2012, tại quán nước thuộc ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Nhựt M đã có thủ đoạn gian dối bằng cách tự bịa đặt ra chuyện cần có phương tiện xe mô tô đi rước bạn và lấy tiền của mẹ từ thành phố Hồ Chí Minh gửi về để lừa đảo lấy xe mô tô biển số 64E1 - 016.49 của Lê Trung L trị giá 25.333.000 đồng để đem cầm cố, sau đó bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố, cơ sở để kết luận: Bị cáo đã phạm vào tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[2] Xét bị cáo đã có ý đồ gian dối trước khi mượn xe của người bị hại sau đó đem xe đi cầm cố rồi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo là thanh niên, thuộc thành phần lao động, có sức khỏe nhưng không chí thú làm ăn, chỉ muốn hưởng thụ tài sản của người khác trái pháp luật nên khi lượng hình cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với hành vi và mức độ phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt cũng nhằm răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Tuy vậy, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và cũng được xem xét áp dụng khi lượng hình.

[4] Không tổng hợp hình phạt tại Bản án số: 171/2016/HSST ngày 30/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[5] Hiện nay, bị cáo chấp hành án tại Trại giam An Phước đến ngày 12/12/2017 được trả tự do nên cần bắt và tạm giam bị cáo từ ngày 12/12/2017 để đảm bảo thời gian thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 604, 605, 608 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Nhựt M đồng ý bồi thường cho người bị hại Lê Trung L số tiền 25.333.000 đồng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 700.000 đồng là tiền bạc do phạm tội mà có theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 000558 ngày 08/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Nhựt M phải nộp số tiền 200.000<sup>d</sup> (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và  $(25.333.000^d \times 5\%) = 1.266.650^d$  (một triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ

thẩm. Tổng cộng bị cáo M phải nộp 1.466.650<sup>d</sup> (một triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng) tiền án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Nhựt M (K)** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 139; Điều 33; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Nhựt M 01 (một) năm tù; thời hạn tù được tính từ ngày 12/12/2017.

Bắt và tạm giam bị cáo tính từ ngày 12/12/2017 để đảm bảo thời gian thi hành án.

**3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 604, 605, 608 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Nhựt M đồng ý bồi thường cho người bị hại Lê Trung L số tiền 25.333.000<sup>d</sup> (hai mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 700.000 đồng là tiền bạc do phạm tội mà có theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 000558 ngày 08/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**4. Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Nhựt M phải nộp số tiền 200.000<sup>d</sup> (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.266.650<sup>d</sup> (một triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo M phải nộp 1.466.650<sup>d</sup> (một triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi đồng) tiền án phí sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. **Đối với những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Huỳnh Thanh Hùng**